

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2016/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 17 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành cơ chế tài chính xây dựng cơ sở hạ tầng
phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế tài chính xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành cơ chế tài chính xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

1. Nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch, bao gồm:

- Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất;
- Các khoản thu từ thuế đất, tiền thuê đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất;
- Vốn từ Quỹ phát triển đất;
- Vốn vay theo quy định của pháp luật;
- Vốn từ ngân sách;
- Vốn viện trợ, tài trợ và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Về cơ chế tài chính để xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch:

a) Đối với cấp tỉnh:

- Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: Phân bổ 10% cho nhiệm vụ đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 10% cho Quỹ phát triển đất; 60% cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất và 20% cho các dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Trong tỷ lệ phân bổ cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (*đối với khoản thu tại thành phố Đông Hà*) dành tỷ lệ 50% bố trí đến năm 2020 cho thành phố Đông Hà để thực hiện Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của HĐND tỉnh về xây dựng phát triển, đưa thành phố Đông Hà lên đô thị loại II đến năm 2020;

- Về tỷ lệ phân bổ nguồn vượt thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: Phân bổ 10% cho nhiệm vụ đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 70% cho các dự án phát triển quỹ đất; 20% cho các dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

- Về cơ chế vay vốn để xây dựng các dự án có tính chất đặc thù, UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi triển khai thực hiện và báo cáo với HĐND tỉnh tại kỳ họp.

b) Đối với cấp huyện và cơ sở:

Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và các nguồn thu từ đất: Phân bổ 10% cho nhiệm vụ đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 10% cho Quỹ phát triển đất; 80% phần còn lại do HĐND cấp huyện quyết định trên cơ sở đề nghị của UBND cấp huyện, bảo đảm nguyên tắc khai thác quỹ đất ở địa bàn nào, ưu tiên đầu tư trở lại cho địa bàn đó.

Điều 2. Trách nhiệm của các Sở, Ban ngành có liên quan.

- Sở Tài chính đưa Quỹ phát triển đất vào hoạt động theo quy định;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối các nguồn vốn ưu tiên đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo quỹ đất sạch;

- Các tổ chức tín dụng tạo điều kiện cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ phát triển quỹ đất vay vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển quỹ đất sạch.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các đơn vị thực hiện nhiệm vụ phát triển quỹ đất, xây dựng các phương án cụ thể trong vay vốn đầu tư;

- Các đơn vị được giao quản lý nguồn vốn có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả; tổ chức triển khai thực hiện các dự án phát triển quỹ đất, GPMB tạo quỹ đất sạch đúng chất lượng, tiến độ;

- Các địa phương áp dụng cơ chế này để thực hiện các dự án phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch trong địa bàn quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính